

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 22/4/2024

“V/v: Tranh chấp về thừa
kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hoà

2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 đến ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2020/TLST-DS ngày 17/10/2020 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 245/TB-TA ngày 19 tháng 9 năm 2023; Thông báo mở phiên tòa số 69/TB-TA ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thời Thị H – sinh năm 1948

Địa chỉ: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kiều C; Trợ giúp viên pháp lý – Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận.

Bà Hồ Thị N; Luật sư – Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1955

Địa chỉ: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Đặng Trường T; Luật sư – Văn phòng Luật sư Đặng Trường T, Đoàn luật sư thành phố C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thái Văn M – sinh năm 1943

Địa chỉ: thôn A, Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Trần Thị Xuân T1 – sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp P, xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị T2 – sinh năm 1961
Địa chỉ: E T, khu phố I, P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
4. Bà Thời Thị T3 – sinh năm 1951
Địa chỉ: thôn A, T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế
Ủy quyền cho bà Thời Thị H tham gia tố tụng (theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2017)
5. Bà Trịnh Thị N1 – sinh năm 1943
Địa chỉ: thôn H, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
6. Bà Thời Thị T4 – sinh năm 1976
Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Ủy quyền cho bà Thời Thị H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 04/4/2018.
7. Ông Thời Hữu T5 – sinh năm 1969
8. Bà Thời Thị S – sinh năm 1972
9. Ông Thời Hữu H2 – sinh năm 1978
10. Bà Thời Thị M1 – sinh năm 1981
11. Ông Thời Hữu Đ – sinh năm 1983
12. Bà Thời Thị Ú – sinh năm 1987
Cùng địa chỉ: Thôn H, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Cùng ủy quyền cho bà Thời Thị H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 10/4/2018.
13. Ông Thời Hữu B – sinh năm 1974
Địa chỉ: 6 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Ủy quyền cho bà Thời Thị H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 05/4/2018.
14. Ông Lương Nguyên D – sinh năm 1960; Bà Lê Thị T6 - sinh năm 1963 (đã chết 2021).
Địa chỉ: khu phố B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
15. Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1961
Địa chỉ: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
16. Bà Thời Thị L1 - sinh năm 1957
Địa chỉ: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận
Nguyên đơn, bị đơn có mặt, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn kiện bổ sung, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thời Thị H trình bày: Cụ ông Thời Hữu Í có hai người vợ là cụ bà Nguyễn Thị N2 và cụ bà Nguyễn Thị T7. Cụ ông Thời Hữu Í với cụ bà Nguyễn Thị N2 có 3 người con chung là cụ Thời Thị T8 (chết năm 1990 không có con), cụ Thời Thị C1 và cụ Thời Hữu T9. Cụ ông Thời Hữu Í và cụ bà Nguyễn Thị N2 không có con chung.

Cụ Thời Hữu T9 lấy cụ Phạm Thị K, sinh được hai người con là bà Thời Thị H và bà Thời Thị T3. Do có chiến tranh nên cụ Thời Hữu T9 đi kháng chiến và sau đó lập gia đình với cụ Trịnh Thị N1, sinh được 08 người con là ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu B, bà Thời Thị T4, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, ông Thời Hữu Đ, bà Thời Thị Út. Ngoài ra cụ Phạm Thị K có một người con riêng tên là Thời Thị L1 nhưng gia tộc vẫn chấp nhận là con của cụ T9 và cho lấy họ Thời.

Cụ Thời Thị C1 lấy cụ Trần Chung C2, sinh được 03 người con là bà Phạm Thị H3, bà Trần Thị Xuân T1 và ông Thái Văn M.

Bà Phạm Thị H3 lấy ông Nguyễn Văn M2, sinh được 02 người con là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2.

Theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T11 đạt HTB đo vẽ ngày 27/10/2022, thì tài sản thừa kế là thửa đất số 2 ONT + BHK có diện tích 2040,5 m², tại khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên bà Thời Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ ông T10 Hữu Ích theo quy định của pháp luật, qua đó yêu cầu ông H1 giao cho bà 01 phần diện tích đất di sản ông H1 đang quản lý để bà có điều kiện sinh sống vì hiện nay bà không đất làm nhà để cư trú. Đối với phần đất hiện đang có tranh chấp với người khác là thửa đất số 1 BHK có diện tích 440,5 m² thì bà H rút lại yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra vào năm 1999 Nhà nước làm đường quốc lộ, có thu hồi đất thừa kế nên bồi thường số tiền 54.972.800 đồng, ông H1 đại diện nhận 25.000.000 đồng còn lại 29.972.800 đồng, do có tranh chấp nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đang tạm giữ. Thu hồi đất lần thứ hai được bồi thường 226.722.525 đồng, số tiền này ông H1 đã nhận theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của UBND thành phố P, nên bà H yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường thu hồi đất mà ông H1 đã nhận là 251.722.525 đồng. Đối với số tiền 29.972.800 đồng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đang tạm giữ bà H rút lại không yêu cầu chia thừa kế số tiền này.

Về giá trị quyền sử dụng đất, bà H xác định giá đất là 150.000 đồng/m², theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 04/01/2024.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về diện và hàng thừa kế ông Nguyễn Văn H1 thống nhất với bà Thời Thị H vì cụ ông Thời Hữu Í là ông cố của ông Nguyễn Văn H1. Cụ ông T10 Hữu Ích có hai vợ là cụ bà Nguyễn Thị N2 và cụ bà Nguyễn Thị T7. Cụ Í và cụ N2 sinh ra cụ Thời Thị T8, còn cụ Thời Thị C1 là con của cụ N2 hay cụ Thê với cụ Í thì ông H1 không rõ. Cụ Í và cụ Thê sinh ra cụ Thời Hữu T9. Cụ Thời Thị T8 không có chồng con. Cụ Thời Thị C1 lấy chồng sinh bà Phạm Thị H3, ông Thái Văn M, bà Trần Thị Xuân T1. Ông ngoại của ông H1 là ai thì ông H1 không biết vì đã chết từ lâu, giấy tờ không còn nên chỉ biết bà ngoại là bà Thời Thị C1. Bà Phạm Thị H3 lấy ông Nguyễn Văn M2, sinh được 02 người con là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2.

Ông H1 thừa nhận theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T11 đạt HTB đo vẽ ngày 27/10/2022, thì tài sản thừa kế tranh chấp là thửa

đất có diện tích 2040,5 m², tại khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vì các bên đã xác định ranh giới và đã xây vòng thành, nhưng việc bà Thời Thị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Thời Hữu Í theo qui định của pháp luật là không đúng vì theo lời khai của bà Thời Thị T8 trước chính quyền chế độ cũ thì diện tích 2040,5 m², thửa đất tại khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận mà bà H tranh chấp có nguồn gốc của ông, bà trên để lại cho cụ Nguyễn Thị N2. Cụ N2 là mẹ của cụ Thời Thị T8. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng vì tài sản này không phải của cụ Thời Hữu Í, mà là của cụ Nguyễn Thị N2, nên ông H1 không đồng ý chia tài sản thừa kế theo yêu cầu của bà H.

Về tiền đền bù thu hồi đất để làm đường có hai giai đoạn, giai đoạn 01 vào năm 1999 Nhà nước bồi thường 54.972.800 đồng, ông H1 nhận 25.000.000 đồng, còn lại 29.972.800 đồng hiện Sở Tài nguyên và M3 trường tỉnh Bình Thuận đang giữ. Giai đoạn hai Nhà nước bồi thường 226.722.525 đồng, ông H1 đã nhận đủ theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của UBND thành phố P và không đồng ý chia thừa kế khoản tiền bồi thường này.

Về giá trị quyền sử dụng đất, ông H1 xác định giá đất là 150.000 đồng/m², theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 04/01/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Trịnh Thị N1 trình bày: Cụ ông Thời Hữu Í là bố chồng của cụ N1. Cụ ông Thời Hữu Í có hai người vợ là cụ bà Nguyễn Thị N2 và cụ bà Nguyễn Thị T7, tất cả đều chết trước năm 1990. Ông Thời Hữu T9 là chồng của cụ N1, chết vào năm 1993, bà Thời Thị H là con gái đầu của chồng cụ với cụ bà Phạm Thị K. Cụ N1 và cụ Thời Hữu T9 có 08 người con. Nay cụ N1 có ý kiến là nhà họ Thời chưa có nhà thờ nên đề nghị không chia mà để làm nơi thờ cúng. Nếu Tòa án chia thừa kế thì cụ N1 đồng ý chia tài sản thừa kế theo pháp luật cho tất cả con, cháu của cụ T10 Hữu Ích trị giá bằng tiền và Cụ N1 từ chối tham gia tố tụng đồng thời yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Xuân T1, ông Thái Văn M, bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị L cùng nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Văn H1 là không đồng ý chia tài sản thừa kế. Thống nhất với giá trị quyền sử dụng đất là 150.000 đồng/m², theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 04/01/2024 và ông Thái Văn M, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Nguyên D xác định vào năm 2002, vợ chồng ông D, bà T6 mua của ông Nguyễn Văn H1 một phần ruộng để mở lối đi ra ngoài. Ông D, bà T6 không biết việc tranh chấp thừa kế giữa bà H với ông H1 nên không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thửa đất diện tích 2040,5 m², tại khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận do Công ty TNHH T11 đạt HTB đo vẽ ngày 27/10/2022, là tài sản thừa kế và chia theo qui định của pháp luật. Về khoản tiền đền bù thu hồi đất với tổng số tiền là 281.695.325 đồng, đây là đất thừa kế được thu hồi bồi thường nên yêu cầu chia cho những người được hưởng thừa kế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà **H** không có tài sản thừa kế để chia.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3. Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc chia thừa kế khoản tiền 29.972.800 đồng, do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** tạm giữ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia đối với thửa đất số 1 BHK có diện tích 440,5 m², tọa lạc tại **khu phố C, phường X, thành phố P** do **Công ty TNHH T11** đạt HTB đo vẽ ngày 27/10/2022.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Thời Thị H**. Xác định diện tích 2040,5m², tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, tọa lạc tại **khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận**, trị giá 306.075.000 đồng và 251.722.525 đồng tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là di sản thừa kế của ông **Thời Hữu Í**, cụ bà **Nguyễn Thị N2** và cụ bà **Nguyễn Thị T7**.

Về tính công sức của người quản lý, có công tôn tạo khối di sản thừa kế: Ông **H1** là người quản lý và có công tôn tạo khối di sản thừa kế nên được trích lại 10% trong tổng số tài sản thừa kế trị giá 306.075.000 đồng x 10% = 30.607.500 đồng, cho ông **H1** nên trị giá di sản còn lại 275.467.500 đồng.

Chia cho bà **Thời Thị H** được quyền sử dụng diện tích 622,6m², tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, tại **khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận**, có kích thước các cạnh theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp của **Công ty TNHH T12-KS** và Đo đạc HTB.

Chia cho ông **Nguyễn Văn H1** được quyền sử dụng diện tích 1.418m², tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, tại **khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận**, có kích thước các cạnh theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp của **Công ty TNHH T12-KS** và Đo đạc HTB.

Buộc ông H1 phải hoàn lại ông M, bà T7, bà H, bà T3, bà L1, ông T5, bà S, ông B, bà T2, ông Đ, ông H2, bà M1, bà Ú và bà T2 mỗi người là 16.781.502 đồng.

Ông H1 có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế gồm có ông M, bà T7, bà H, bà T3, bà L1, ông T5, bà S, ông B, bà T2, ông Đ, ông H2, bà M1, bà Ú và bà T2 mỗi người là 13.890.536 đồng.

Bà Hoàng b chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế gồm có ông M, bà T7, ông H1, bà T3, bà L1, ông T5, bà S, ông B, bà T2, ông Đ, ông H2, bà M1, bà Ú và bà T2 mỗi người là 5.785.714 đồng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên quan đến cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để kê khai, điều chỉnh và thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các bên cũng có thể đề nghị xử lý về án phí, chi phí tố tụng, và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định hiện hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, loại tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Thời Thị H khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn H1, tài sản tranh chấp tại khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định đây là tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

[2] Cụ Trịnh Thị N1, ông Thái Văn M, ông Lương Nguyên D, bà Lê Thị T6, bà Nguyễn Thị L, bà Thời Thị L2 yêu cầu xét xử vắng mặt; Bà Thời Thị T4, ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, ông Thời Hữu Đ, bà Thời Thị Ú, ông Thời Hữu B ủy quyền cho bà Thời Thị H tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về thời hiệu khởi kiện và người thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất cụ ông Thời Hữu Í, cụ bà Nguyễn Thị N2 và cụ bà Nguyễn Thị T7 chết trước năm 1990, trước khi chết các cụ không để lại di chúc. Như vậy thời điểm mở thừa kế trong vụ án được xem là trước ngày 10/9/1990. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật D1 sựPháp lệnh Thừa kế năm 1990 thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Các đương sự trong vụ án đều thống nhất diện và hàng thừa kế cụ thể như sau: Cụ Thời H có hai vợ là cụ Nguyễn Thị N2 và cụ Nguyễn Thị T7. Bà N2 không có con. Riêng bà T7 và ông Í có 03 người con tên là Thời Thị T8 (chết không có chồng con). Người con thứ 2 tên Thời Thị C1 có chồng tên Trần Trung C3 (đã chết) sinh ra các ông bà Phạm Thị H3, Thái Văn M, Trần Thị Xuân T1. Người con thứ 3 tên Thời Hữu T9 lấy vợ là Phạm Thị K, sinh được hai người con là bà Thời Thị H và bà Thời Thị T3.

Ông Thời Hữu T9 đi kháng chiến sau đó lập gia đình với bà Trịnh Thị N1, có 08 người con là ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu B, bà Thời Thị

T4, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, ông Thời Hữu Đ, bà Thời Thị Ú và có 01 người con riêng là bà Thời Thị L1.

Bà Phạm Thị H3 lấy ông Nguyễn Văn M2, sinh được 02 người con là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất là của cụ Thời Hữu Í, cụ Nguyễn Thị T7, cụ Nguyễn Thị N2 là bà Thời Thị T8, Thời Thị C1, Thời Hữu T9 đã chết.

Hàng thừa kế thứ hai của cụ Thời Hữu Í, cụ Nguyễn Thị T7, cụ Nguyễn Thị N2 là: Phạm Thị H3 (đã chết), Thái Văn M, Trần Thị Xuân T1, Thời Thị H, Thời Thị T3, Thời Thị L1, Thời Hữu T5, Thời Thị S, Thời Hữu B, Thời Thị T4, Thời Hữu Đ, Thời Hữu H2, Thời Thị M1 và Thời Thị Út.

Hàng thừa kế thứ ba của cụ Thời Hữu Í, cụ Nguyễn Thị T7, cụ Nguyễn Thị N2 là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2.

[4] Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có tranh chấp:

Về nguồn gốc nhà và đất, theo Biên bản cuộc họp Hội đồng gia tộc ngày 13/5/1987, thể hiện Nhà và đất tranh chấp thừa kế có nguồn gốc của ông Thời Hữu Í là ông nội của bà Thời Thị H và ông cố ngoại của ông Nguyễn Văn H1 tạo lập nên. Nhà và đất do ông Thời Hữu Í tạo lập do bà Thời Thị T8 quản lý, gìn giữ nhà từ trước năm 1954 cho đến năm 1990. Sau khi bà T8 chết (ngày 12/3/1990) nhà và đất do bà Phạm Thị H3 quản lý đến năm 1996 bà H3 chết thì giao lại cho ông Nguyễn Văn H1 quản lý. Theo Biên bản của Hội đồng gia tộc ngày 13/5/1987 giao nhà và đất cho bà Phạm Thị H3 nhưng bà Thời Thị H không thống nhất ký vào biên bản. Sau khi Hội đồng gia tộc giao cho bà H3 nhưng bà H3 không làm thủ tục thừa kế, đồng thời vẫn quản lý và sử dụng đất. Các bên tiếp tục tranh chấp khi ông Thời Hữu T9 viết giấy ngày 16/3/1990 ủy quyền cho bà Thời Thị H trông coi nhà tự có sự xác nhận của chính quyền địa phương thời điểm đó. Ông H1 thừa nhận tài sản tranh chấp thừa kế là thửa đất có diện tích 2040,5 m², tọa lạc tại khu phố C, phường X, thành phố P, Tuy nhiên ông H1 cho rằng căn cứ vào lời khai bà Thời Thị T8 trước chính quyền chế độ cũ thì toàn bộ diện tích 2040,5 m², mà bà H tranh chấp có nguồn gốc của ông, bà trên để lại cho cụ Nguyễn Thị N3. Cụ N3 là mẹ của cụ Thời Thị T8, như vậy yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H1 xác định mẹ ông là bà Phạm Thị H3 nhận thừa kế theo biên bản cuộc họp Hội đồng gia tộc ngày 13/5/1987 gồm có đất và trên đất có 01 căn nhà tự thờ cúng ông bà trong đó có cụ Thời Hữu Í, cụ Nguyễn Thị N2, cụ Nguyễn Thị T7 và 7 ngôi mộ. Trong sổ tin Nhà nước đền bù thu hồi đất thì có căn nhà tự.

Theo Nghị quyết 02/2004 ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tại điểm 1.3 mục 1 phần 2 hướng dẫn: "Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có một trong các loại giấy tờ được hướng dẫn tại tiêu mục 1.1 và tiêu mục 1.2 mục 1 này nhưng có di sản là nhà ở, vật kiến trúc khác (như: nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà để ô tô nhà thờ, tường xây làm hàng rào gắn với nhà ở, các công trình xây dựng trên đất được giao để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng, hệ thống tưới, tiêu nước, chuồng trại chăn nuôi hay vật kiến trúc khác hoặc trên đất có các tài sản khác như cây lấy gỗ, cây lấy lá, cây ăn quả, cây công nghiệp hay các

cây lâu năm khác) gắn liền với quyền sử dụng đất đó mà có yêu cầu chia di sản thừa kế, thì cần phân biệt các trường hợp sau:

...

b. Trong trường hợp đương sự không có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp, nhưng có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho biết rõ là việc sử dụng đất đó không vi phạm quy hoạch và có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất, thì Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Đồng thời phải xác định ranh giới, tạm giao quyền sử dụng đất đó cho đương sự để Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền tiến hành các thủ tục giao quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quy định của pháp luật về đất đai.

Theo biên bản xác minh việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H1, bà Thời Thị H và kiểm tra về giấy tờ về đất đai ngày 09/11/2018 có nội dung: “Thửa đất mà bà Thời Thị H và ông Nguyễn Văn H1 đang tranh chấp thừa kế gồm 2 thửa theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1989. Thửa số 85 diện tích 1.743m² đất màu, thửa số 86 diện tích 225m² đất nghĩa địa. Các thửa này không thấy quy chủ. Bên cạnh hai thửa này là thửa 87, 88 của bà Phạm Thị K mẹ bà H.

Đối với bản vẽ theo Nghị định 60/CP đối với hai thửa đất số 85, 86 không có. Sổ địa chính và sổ mục kê cũng không có lưu trữ nên không thể cung cấp cho Tòa án để xác định chủ sử dụng.

Đối với việc tranh chấp ranh giới đất giữa ông H1 với đất của bà Phạm Thị K, lúc đầu hai bên thỏa thuận cắm mốc xong nhưng sau đó lại thay đổi ý kiến. Hiện nay bà H và ông H1 vẫn chưa thống nhất về ranh giới đất”.

Để xác định ranh giới đất tranh chấp, ngày 27/10/2022 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và các bên đã thống nhất được ranh giới đất giữa ông H1 với đất của bà K. Căn cứ Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T11 đạt HTB đo vẽ ngày 27/10/2022 thì ranh giới đất giữa ông H1 với đất của bà K có cạnh từ điểm 12-13 dài 41,78 mét, đồng thời các bên tiến hành xây dựng vòng thành cố định.

Việc ông H1 cho rằng bà H không được thừa kế di sản là không đúng vì căn cứ tờ khai giấy tờ ruộng đất thất lạc ngày 16/9/1970 của cụ Thời Thị T8 thể hiện thửa đất của cụ Nguyễn Thị N2 để lại cho cụ T8 xác định tài sản này cụ T8 thừa kế từ mẹ là Nguyễn Thị N2, tờ khai giấy tờ ruộng đất thất lạc này được xã trưởng xã T, quận T, tỉnh Bình Thuận của chế độ cũ thị thực, thể hiện 3 sở ruộng đều tọa lạc tại ấp T, xã T, trong khi theo biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2020, ông Nguyễn Văn C4 xác định toàn bộ di sản của tộc họ Thời “... thời kỳ đó tọa lạc tại thôn X, xã T, huyện H là khu phố C, phường X, thành phố P”. Theo giấy viết ngày 06/11/1975 ông T9, thể hiện “...ủy nhiệm chị Thời Thị T8 và anh rể tôi là Lê K1 được quyền giữ sở tự phụng sự hương khói trong gia đình có quyền giải quyết trong khi tôi vắng mặt. Về mặt nhà cửa ruộng vườn anh K1 và chị T8 được quyền làm chủ” và tại Biên bản cuộc họp gia tộc ngày 13/5/1987, xác định bà T8 là trưởng của gia đình, gìn giữ gia tài, vun vén mồ mã, thờ cúng ông bà như vậy căn

cứ theo các nội dung văn bản đủ cơ sở xác định cụ **Í**, cụ **N2** và cụ **Thê** có để lại di sản là nhà cửa, ruộng vườn và khi qua đời không để lại di chúc.

Theo công văn số 1822/UBND-TH ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố **P**: “Thửa đất đang tranh chấp thuộc xã **P** trước đây, nay tách ra là phường **X**. Từ trước đến nay, phường **X** không có đo đạc bản đồ theo Nghị định số 60/CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, thửa đất đang tranh chấp có thể hiện trên bản đồ được đo đạc theo Chỉ thị số 299/TTg nhưng không ghi tên người sử dụng đất, do quá trình đo đạc người sử dụng đất không đăng ký kê khai đất đai đối với địa phương, cho nên không thể hiện tên người sử dụng đất trong sổ địa chính, sổ mục kê.

Do thửa đất đang tranh chấp, cho nên đương sự không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì người sử dụng đất hợp pháp sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Thửa đất hiện chưa có quy hoạch giải tỏa thực hiện dự án”.

Như vậy, căn cứ vào Nghị quyết số 02/2004 ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Biên bản xác minh việc sử dụng đất của ông **Nguyễn Văn H1**, bà **Thời Thị H** và kiểm tra về giấy tờ về đất đai ngày 09/11/2018, cũng như Công văn số 1822 ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố **P** thì thửa đất có diện tích 2040,5 m², tọa lạc tại khu phố **C**, phường **X**, thành phố **P**, tỉnh **Bình Thuận** được xác định là di sản, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **H**.

[5] Về di sản thừa kế là tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất: Về tiền đền bù thu hồi đất để làm đường các đương sự đều thừa nhận có hai giai đoạn, giai đoạn 01 vào năm 1999 Nhà nước bồi thường 54.972.800 đồng, ông **H1** nhận 25.000.000 đồng, còn lại 29.972.800 đồng hiện Sở Tài nguyên và **M3** trường tỉnh **Bình Thuận** đang giữ. Giai đoạn hai Nhà nước bồi thường 226.722.525 đồng, ông **H1** đã nhận đủ theo Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của **UBND thành phố P**. Khoản tiền này là do **Nhà N4** thu hồi phần đất là di sản thừa kế nên được xác định là di sản, vì vậy phải chia đều cho các đồng thừa kế.

[6] Toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất của Cụ ông **Thời Hữu Í**, cụ bà **Nguyễn Thị N2** và cụ bà **Nguyễn Thị T7** đã được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và định giá. Phần di sản đang do ông **H1** quản lý và sử dụng gồm thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư có diện tích 2040,5 m² x 150.000đồng/m² = 306.075.000 đồng. Tài sản gắn liền với đất và công san lấp, các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về tính công sức của người quản lý, có công tôn tạo khối di sản thừa kế: Ông **H1** là người quản lý và có công tôn tạo khối di sản thừa kế nên được trích lại 10% trong tổng số tài sản thừa kế trị giá 306.075.000 đồng x 10% = 30.607.500 đồng, cho ông **H1**, nên trị giá di sản còn lại 90% là 275.467.500 đồng.

[8] Về phân chia di sản: Di sản của Cụ ông **Thời Hữu Í**, cụ bà **Nguyễn Thị N2** và cụ bà **Nguyễn Thị T7** được chia đều cho 15 người thừa kế gồm có ông **Thái Văn M**, bà **Trần Thị Xuân T1**, bà **Thời Thị H**, bà **Thời Thị T3**, bà **Thời Thị L1**, ông **Thời Hữu T5**, bà **Thời Thị S**, ông **Thời Hữu B**, bà **Thời Thị T4**, ông **Thời Hữu Đ**,

ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, bà Thời Thị Ú, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2 mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 275.467.500 : 15 = 18.364.500 đồng.

Tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu ông H1 cắt cho bà diện tích đất di sản ông H1 đang quản lý là 622,6m² (tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, có sơ đồ kèm theo) để bà có điều kiện sinh sống vì hiện nay bà không có nhà và đất để cư trú. Xét thấy yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần chấp nhận.

[9] Bà H có đơn rút yêu cầu đối với phần đất hiện đang có tranh chấp là thửa đất số 1 BHK, diện tích 440,5 m² và không yêu cầu giải quyết phân chia thêm tài sản quyền sử dụng đất nào khác, vì vậy đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[10] Về phân chia khoản tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất: Giai đoạn một Nhà nước bồi thường 54.972.800 đồng, ông H1 nhận 25.000.000 đồng, còn lại 29.972.800 đồng hiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đang giữ. Giai đoạn hai Nhà nước bồi thường 226.722.525 đồng. Tổng số tiền ông H1 đã nhận 251.722.525 đồng, được chia đều cho 15 người mỗi người được hưởng trị giá 251.722.525 đồng : 15 người = 16.781.502 đồng và buộc ông H1 phải hoàn lại số tiền này cho các thừa kế.

[11] Bà H rút yêu cầu đối với số tiền 29.972.800 đồng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đang giữ vì vậy đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[12] Về án phí: Người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí, mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế.

[13] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp là do theo yêu cầu của ông H1, bà H, cả 02 không yêu cầu và tự nguyện chịu toàn bộ nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị Quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990 điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc chia thừa kế khoản tiền 29.972.800 đồng, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B tạm giữ.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia đôi với thửa đất số 1 BHK, diện tích 440,5 m², địa chỉ thửa đất: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận do Công ty TNHH T11 đạt HTB đo vẽ ngày 27/10/2022.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thời Thị H. Xác định diện tích 2040,5m², tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, địa chỉ thửa đất: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, trị giá 306.075.000 đồng và 251.722.525 đồng tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là di sản thừa kế của cụ ông Thời Hữu Í, cụ bà Nguyễn Thị N2 và cụ bà Nguyễn Thị T7.

3. Về tính công sức của người quản lý, có công tôn tạo khối di sản thừa kế: Ông H1 là người quản lý và có công tôn tạo khối di sản thừa kế nên được trích lại 10% trong tổng số tài sản thừa kế trị giá 306.075.000 đồng x 10% = 30.607.500 đồng, cho ông H1 nên trị giá di sản còn lại 90% là 275.467.500 đồng.

4. Chia di sản thừa kế như sau:

4.1. Chia cho bà Thời Thị H được quyền sử dụng diện tích 622,6m², tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, địa chỉ thửa đất: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có kích thước các cạnh như sau: Từ điểm 11-12 = 15m; điểm 12-13 = 41,78m; điểm 13-14= 15m; điểm 14-11 = 42,37m (Kèm theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp của Công ty TNHH T12-KS và Đo đạc HTB).

4.2. Chia cho ông Nguyễn Văn H1 được quyền sử dụng diện tích 1.418m², tại thửa đất số 2 ONT + BHK, đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư, địa chỉ thửa đất: khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, có kích thước các cạnh như sau: Từ điểm 10-11 = 35,73m; điểm 11-14 = 42,37m, điểm 14-15 = 30,69m; điểm 15-16= 5,96m; điểm 16-17 = 6,43m; điểm 17-18 = 2,71m, điểm 18-19 = 0,16m; điểm 19-20= 2,84m; điểm 20-21 = 3,24m; điểm 21-10= 23,13m (Kèm theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp của Công ty TNHH T12-KS và Đo đạc HTB).

4.3. Buộc ông Nguyễn Văn H1 phải hoàn lại cho ông Thái Văn M, bà Trần Thị Xuân T1, bà Thời Thị H, bà Thời Thị T3, bà Thời Thị L1, ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu B, bà Thời Thị T4, ông Thời Hữu Đ, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, bà Thời Thị Ú và bà Nguyễn Thị T2 mỗi người là 16.781.502 đồng.

5. Trách nhiệm thanh toán:

- Ông Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế gồm có ông Thái Văn M, bà Trần Thị Xuân T1, bà Thời Thị H, bà Thời Thị T3, bà Thời Thị L1, ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu B, bà Thời Thị T4, ông Thời Hữu Đ, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, bà Thời Thị Ú và bà Nguyễn Thị T2 mỗi người là 13.890.536 đồng.

- Bà Hoàng bù chênh lệch giá trị tài sản cho các đồng thừa kế gồm có ông Thái Văn M, bà Trần Thị Xuân T1, bà Thời Thị T3, bà Thời Thị L1, ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu B, bà Thời Thị T4, ông Thời Hữu Đ, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, bà Thời Thị Ú, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị T2 mỗi người là 5.785.714 đồng.

Bà Thời Thị H, ông Nguyễn Văn H1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Bà Thời Thị H, ông Nguyễn Văn H1, ông Thái Văn M, bà Trần Thị Xuân T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Thời Thị T3, bà Thời Thị L1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thời Hữu T5, bà Thời Thị S, ông Thời Hữu B, bà Thời Thị T4, ông Thời Hữu Đ, ông Thời Hữu H2, bà Thời Thị M1, bà Thời Thị Ú mỗi người phải nộp 1.818.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2024). Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- UBND phường Đức Long;
- THA dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN LƯU TRIỀU

